TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

Số: 106/2020/ QĐST-HN&GĐ
Ngày:14/9/2020
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/V YÊU CẦU CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần giải quyết việc dân sự.

Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

*Thư ký phiên họp:*Bà Đinh Thúy Hương- Thư ký Tòa án

Đại diện VKSNDTP Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Phạm Tú Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp để giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2020/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, quyết định mở phiên họp số 200//2020/QĐ-TA ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: Chị Phùng Thị N Sinh năm: 1991
Địa chỉ: Phòng 12a 06 nhà G2 - Chung cư Sunshine Garden, ngõ 13 L, phường M, quận H, TP Hà Nội.

Khổng Văn B Sinh năm: 1986
Hộ khẩu thường trú: Xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc
Chỗ ở hiện tại: No. 123 R, Quận S Thành phố New Taipei, Đài Loan

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ việc. Tôi xin báo cáo lãnh đạo đơn vị và đề xuất quan điểm giải quyết vụ việc như sau:

I/ NỘI DUNG VỤ VIỆC

Ngày 14/8/2020 anh Khổng Văn B có đơn yêu cầu xin ly hôn và Bản tự khai gửi qua đường Bưu điện nước Cộng hòa Trung Quốc cùng ngày Chị Phùng Thị N có đơn xin ly hôn. Cả hai cùng thống nhất trình bày:

Chị Phùng Thị N và anh Khổng Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2010 tại Uỷ Ban Nhân dân xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc**.** Trước đó chưa có ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi về sống tại số 01 LT, Phường V, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay không

ai quan tâm đến ai, mỗi người sống một nơi. Vì vậy, nay tôi làm đơn này xác định tình cảm vợ chồng chúng tôi không còn, tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng nên nguyện vọng của chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết cho chúng tôi được ly hôn theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

Về con chung: Chúng tôi xác định vợ chồng có 01 con chung: Cháu Khổng Y (Sinh ngày:6/9/2010). Hiện cháu Y đang ở với mẹ. Khi ly hôn, chúng tôi đã thống nhất giao cháu Y cho mẹ Phùng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chúng tôi thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Không có, không yêu cầu TA giải quyết.

Về công nợ chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc ly hôn: Tôi - Phùng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của anh Khổng Văn B là ông Khổng Văn C trình bày:

Tôi là bố đẻ của cháu Khổng Văn B trong vụ án ly hôn do các con tôi đang nộp đơn tại TANDTP Hà Nội.

Do anh B không có điều kiện về Việt Nam để tham gia tố tụng tại Tòa án nên đã viết đơn gửi về cho cháu N, sau đó tôi được cháu B thông báo lại. Tôi đã đọc và xác nhận đây đúng là đơn do cháu B viết và ký. Trong đơn có việc cháu B ủy quyền cho tôi đến Tòa án. Tôi xác nhận việc ủy quyền này và đồng ý nhận ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng và thông báo toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cho cháu B.

Tôi xác nhận cháu B và cháu N là vợ chồng, đã đăng ký kết hôn. Sau đó cháu B thông báo với gia đình về việc sang Đài Loan làm ăn. Từ khi sang Đài Loan đến nay, cháu B chưa bao giờ về thăm gia đình. Nay cháu B và cháu N ly hôn, quan điểm của gia đình là đề nghị TANDTP Hà Nội sớm giải quyết để cháu B và cháu N ổn định cuộc sống. Tôi không yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại Kết luận giám định số 180/GĐTHS-P11 ngày 03/9/2020, Phòng Khoa học Hình sự - Bộ Quốc Phòng Kết luận:

Chữ ký mang tên Khổng Văn B trên tài liệu ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết ghi họ tên "Khổng Văn B" trên tài liệu ký hiệu A2, A3 với chữ ký, chữ viết ghi họ tên "Khổng Văn B" mẫu so sánh trên Giấy chứng nhận kết hôn (ký hiệu M) là do cùng một người ký, viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà nội Tham gia phiên Tòa và có ý kiến :

1. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Yêu cầu công nhận TTLH giữa chị N và anh B là việc dân sự có yếu tố nước ngoài nên TAND TP Hà Nội thụ lý giải quyết là

đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h, khoản 1, Điều 39 BLTTDS.

- *Về xác định tư cách đương sự:* Tòa án xác định tư cách đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS

- *Về hòa giải; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:* Quá trình giải quyết vụ án anh B không về Việt Nam và có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời ủy quyền cho bố ruột nhận văn bản tố tụng nên Tòa án đã không tiến hành hòa giải.

- *Về Quyết định mở phiên họp:* Ngày 03 / 09/2020 Tòa án có Quyết định mở phiên họp tống đạt cho đương sự và chuyển hồ sơ cho VKS đúng thời hạn quy định.

Đè nghị căn cứ điều 55 Luật hôn nhân và gia đình : Công nhận thuận tình ly hôn và thống nhất về con chung của các đương sự .

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tại phiên họp. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định như sau:

Về tố tụng : *Về thẩm quyền giải quyết:* Yêu cầu công nhận TTLH giữa chị N và anh B là việc dân sự có yếu tố nước ngoài nên TAND TP Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h, khoản 1, Điều 39 BLTTDS . Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố Hà nội .

Về tình cảm : Chị Phùng Thị N và Khổng Văn B kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2010 tại Uỷ Ban Nhân dân xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc đây là hôn nhân hợp pháp. Nay anh chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung: Cháu Khổng Y (Sinh ngày:6/9/2010) hiện đang ở với mẹ. Chị N và anh B cùng thống nhất giao cháu Y cho chị N nuôi. Không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Do đó ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung, nhà đất, nợ chung và các vấn đề khác: Cả hai cùng xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật .

Vì các lẽ trên : Vì các lẽ trên.

Căn cứ Điều 55 , Điều 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 67, Điều 149, Điều 361,367,369,370,371,397 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa

Chị Phùng Thị N và anh Khổng Văn B

Về con chung: Giao cháu Ý An Sinh (Sinh ngày:6/9/2010 cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B. Anh Khổng Văn B có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nhà đất, nợ chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.Nếu có yêu cầ sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác .

Án phí: Ghi nhận chị N chịu toàn bộ lệ phí ly hôn được đối trừ tại biên lai số 0020329 ngày 20/08/2020 taị cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà nội .

Quyết định có hiệu lực pháp luật để thi hành .

Nơi nhận
-VKSNDTP Hà Nội
-THADSTP Hà Nội
-Các đương sự
-Lưu HS-VP

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Huyền